

Bản án số: 117/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 18-11-2024

V/v không công nhận quan hệ vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Hưởng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Thảo;

2/ Ông Nguyễn Thanh Càn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phương Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Thế - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 376/2024/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 10 năm 2024 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà A, sinh năm 1957; địa chỉ: Tổ 1, ấp T, xã T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có mặt

Bị đơn: Ông T, sinh năm 1957; địa chỉ: Tổ 6, khu phố A, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa, nguyên đơn bà A trình bày:

Trong khoảng thời gian từ năm 1979 đến năm 1983, bà A và ông T nảy sinh tình cảm và có qua lại với nhau, hai người không đăng ký kết hôn, không tổ chức lễ cưới, thi thoảng ông Thanh đến nhà bà Anh ở vài ngày, có khi gần một tháng rồi về. Trong thời gian này, bà A sinh được hai người con chung là Từ Thu Thủy, sinh năm 1980 và Từ Thị Thu Hồng, sinh năm 1983, giữa bà A và ông T không phát sinh tài sản chung.

Thực tế ông T có vợ từ năm 1983 là bà là bà Trần Thị Thu Phương, đăng ký kết hôn ngày 29/01/2021. Tuy nhiên khi bà liên hệ chính quyền địa phương

để xác nhận tình trạng hôn nhân để làm thủ tục hành chính liên quan gia đình bà thì chính quyền không xác nhận cho bà đang độc thân và hướng dẫn bà khởi kiện ra Tòa án. Do đó, bà A khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên tuyên bố không công nhận bà và ông T là vợ chồng.

Hiện tại các con chung giữa bà và ông Thanh đều đã thành niên và hai bên không phát sinh tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông T trình bày:

Ông T thống nhất với trình bày của bà A, ông Thanh xác định ông và bà A trước đây có tình cảm với nhau và thi thoảng gặp gỡ nhau. Ông và bà A có con chung là Từ Thu Thủy, sinh năm 1980 và Từ Thị Thu Hồng, sinh năm 1983. Ông và bà A không tổ chức cưới hỏi, không chung sống với nhau. Năm 1983, ông T và bà Trần Thị Thu Phương chung sống với nhau và đăng ký kết hôn ngày 29/01/2021. Nay bà A yêu cầu Tòa án không công nhận ông và bà A là vợ chồng thì ông đồng ý.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên phát biểu tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên các đương sự khai không sống chung với nhau như vợ chồng, không tồn tại hôn nhân thực tế nên việc Tòa án thụ lý giải quyết tranh chấp “không công nhận quan vợ chồng” là không phù hợp quy định tại Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đình chỉ giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Các đương sự xác định không chung sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn theo quy định và nguyên đơn yêu cầu tuyên bố không công nhận vợ chồng. Bị đơn hiện cư trú tại thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Căn cứ vào các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa nguyên đơn và bị đơn không đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Mặc dù có con chung sinh trước thời điểm 03/01/1987 (Ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực pháp luật) tuy nhiên nguyên đơn, bị đơn cùng thừa nhận trước thời điểm 03/01/1987 không sống chung như vợ chồng, chỉ qua lại thời gian ngắn, tình cảm nam nữ giữa các đương sự chỉ là nhất thời, các bên không tổ chức lễ cưới, thậm chí ai ở nhà người đó. Thực tế ông T có vợ là bà Trần Thị Thu P, có đăng ký kết hôn theo quy định, được UBND phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 29/01/2021. Đối

chiếu quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 của Quốc hội khóa X về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 và điểm b khoản 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC - VKSNDTC - BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp thì không thuộc trường hợp hôn nhân thực tế và không được công nhận là vợ chồng. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về giải quyết hậu quả phát sinh: Các đương sự xác định con chung đã thành niên, không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị đình chỉ giải quyết vụ án là không phù hợp.

[5] Về án phí: Nguyên đơn là người cao tuổi, có đơn xin được miễn án phí là thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;
- Căn cứ điểm b khoản 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 về việc hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp;
- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà A với bị đơn ông T về việc tranh chấp yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng:

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn bà A và bị đơn ông T.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà A được miễn án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đình Hưởng